TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TP. HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **----------**

Bản án số: **199/**2018/HS - ST
Ngày: 30/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Nguyễn Thị Hoài***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Bùi Xuân Đãng***

2. Ông Đinh Quang Huấn

Thư ký phiên tòa: ***Bà Đoàn Thị Phương Thảo*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện T - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/2018/HS- ST ngày 09/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2018/QĐXXST - HS ngày 19/11/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hải L, sinh năm 1996; HKTT: Số 1, Ngách 29/4, phố K, Phường T, quận T, Hà Nội; Chỗ ở: P12A13 - CT4 Khu đô thị E, xã T, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Kim A; Tiền án, tiền sự: Không (Danh chỉ bản số 0370 lập ngày 14/8/2018 tại Công an huyện T; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 14/8/2018. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

- **Người bị hại**:

+ Anh Nguyễn Minh H - Sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 233, phố Q, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

+ Anh Lê văn L - Sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã Y, huyện T, Vĩnh Phúc.

+ Anh Ngô Quốc H - Sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 19, Tổ 14A, phường Đ, quận H, Hà Nội.

+ Anh Trần Nguyễn V - Sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đội 3, Thôn Đ, xã L, huyện V, Nam Định

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lý Đức L - Sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 68- 70, phố V, Tổ 10, Phường T, quận N, Hà Nội.

+ Anh Hà Tiến D - Sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 23/9/2017 đến ngày 22/5/2018, Nguyễn Hải L đã thực hiện 05 hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, với tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 41.362.000đồng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 23/09/2017, anh Nguyễn Minh H (Sinh năm: 1993, trú tại: số 233, phố Q, phường Q, thành phố Y, Yên Bái) đi chiếc xe máy Honda AirBlade màu đen BKS: 29Y1-4579 đến nhà Nguyễn Hải L tại phòng 12A13 CT4 khu đô thị E thuộc xã T, huyện T, Hà Nội để lấy chiếc xe máy Honda AirBlade màu đen vàng BKS: 29E1-607.78 L mượn của anh từ ngày 18/09/2017. Do không có tiền tiêu sài và tiền chuộc lại chiếc xe của L đang cầm cố nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh H. L đã nói với anh H cho L mượn chiếc xe Honda AirBlade màu đen BKS: 29Y1-4579 của anh H để L đi vay tiền về đưa cho H đi chuộc chiếc xe máy BKS: 29E1-607.78. Anh H tin và cho L mượn chiếc xe máy trên. L đã mang chiếc xe máy BKS: 29Y1-4579 vừa mượn của anh H đến của hiệu cầm đồ ở khu vực thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội cầm cố được 3.000.000 đồng và lấy chiếc xe của L đã cầm trước đó về. Sau đó, L đi về phòng và nói với anh H đã cầm cố chiếc xe này của anh H và hẹn anh H hôm sau sẽ trả lại xe.

Đến khoảng 10 giờ ngày 25/09/2017, anh H đến nhà L yêu cầu L trả xe. L hẹn hôm sau lấy xe về trả anh H nên anh H ở lại nhà L đợi L lấy xe về trả cho anh H. Thấy anh H có chiếc điện thoại Iphone 7 plus, L lại nảy sinh ý định chiếm đoạt

chiếc điện thoại. L nói dối với anh H cho L mượn điện thoại để L gọi điện xin tiền mẹ L và chơi game. Anh H tin và đưa chiếc điện thoại cho L rồi đi ngủ. Khi thấy anh H ngủ, L đã mang chiếc điện thoại Iphone 7 Plus đi đến cửa hàng cầm đồ số 84 xóm L, thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội cầm cố chiếc điện thoại trên được 1.500.000 đồng và đã ăn tiêu hết số tiền này.

Khoảng ngày 27/09/2017, L đã chuộc lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen BKS: 29Y1-4579 ở cửa hàng cầm đồ và mang đến cửa hàng sửa chữa xe máy Đ của anh L Đức L (Sinh năm: 1979; địa chỉ: số 68 V, phường T, quận N, Hà Nội) để sửa xe nhưng L không mang xe về. Sau đó, L nhiều lần vay anh L với tổng số tiền là 7.000.000 đồng. Do không có tiền trả anh L nên L đã bán chiếc xe trên cho anh L với giá 7.000.000 đồng và tiếp tục vay anh L số tiền 2.500.000 đồng. Anh L nhiều lần yêu cầu L giao đăng ký xe nhưng L khất lần chưa giao đăng ký xe cho anh L. Ngày 05/05/2018, anh L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen BKS: 29Y1-4579 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T để phục vụ công tác điều tra vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 359 ngày 14/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận:

+ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen BKS: 29Y1- 4579 có giá trị: 4.537.000 đồng;

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen có giá trị: 13.000.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Khoảng 23 giờ ngày 02/04/2018, anh Lê Văn L (Sinh năm: 1990, trú tại: xã Y, huyện T, Vĩnh Phúc) lái xe taxi chở Nguyễn Hải L và N (tên thật là Nguyễn Quang T - chưa xác định lai lịch) từ huyện T, Vĩnh Phúc về Hà Nội. Trên đường đi, N có hỏi mượn anh L số tiền 500.000 đồng để mua đồ và nói khi về đến Hà Nội sẽ trả lại. Khi đến Khu đô thị E, xã T, huyện T, Hà Nội, L, N và anh L lên phòng của L chơi. Sau đó, anh L tiếp tục chở L đến một số điểm trên địa bàn thành phố Hà Nội. Lúc này, L vay anh L số tiền 1.000.000 đồng để mua đồ.

Tiếp đó, đến khoảng 04 giờ sáng ngày 03/04/2018, khi anh L chở L về khu đô thị E, thấy anh L có chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 nên L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh L. L nói với anh L cho L mượn điện thoại để gọi điện cho mẹ xin tiền trả cho anh L. Anh L tin là thật nên đã cho L mượn chiếc điện thoại trên. L cầm điện thoại giả vờ gọi điện, khi anh L không để ý, L đã đi thẳng lên phòng và khóa cửa lại. Anh L đã lên phòng L yêu cầu L trả lại chiếc điện thoại, tiền cước đi taxi và tiền L đã vay anh nhưng L không mở cửa và không trả anh L. Sau đó anh L bỏ về. Đến ngày hôm sau, L mang chiếc điện thoại chiếm

đoạt được của anh L đến cửa hàng cầm đồ ở số 84, đường L, phường T, quận N, Hà Nội cầm cố được 1.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 148 ngày 01/08/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 màu trắng có giá trị: 3.900.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Khoảng 04 giờ ngày 01/05/2018, L thuê anh Ngô Quốc H (là lái xe ôm; Sinh năm: 1978, HKTT: phường Đ, quận H, Hà Nội) chở từ ngã tư N, đường N, quận T, Hà Nội đi về khu đô thị E. Trên đường đi, L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại OPPO F3 màu đen của anh H nên khi về đến sảnh tòa nhà, L đã giả vờ mượn chiếc điện thoại trên của anh H để gọi cho bạn. Anh H đã tin là thật nên cho L mượn điện thoại. Sau khi nhận chiếc điện thoại từ anh H, L đã giả vờ gọi điện rồi đi nhanh lên phòng của L. Anh H tìm đến phòng số 12A13 CT4 khu đô thị E yêu cầu L trả lại điện thoại thì có 02 thanh niên (trong đó có N - chưa xác định lai lịch) ra mở cửa, N yêu cầu anh H đưa số tiền 1.500.000 đồng để chuộc điện thoại. Anh H đồng ý và đã đưa cho N số tiền 1.500.000 đồng nhưng N không trả điện thoại trên cho anh H. Sau đó, L đưa cho N chiếc điện thoại L chiếm đoạt được của anh H, N cầm chiếc điện thoại trên cùng số tiền 1.500.000 đồng của anh H bỏ đi. Đến nay không xác định được lai lịch của N nên không thu hồi được số tài sản này.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 148 ngày 01/08/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc điện thoại OPPO F3 màu đen có giá trị: 4.200.000 đồng,

Vụ thứ tư:

Ngày 20/05/2018, anh Trần Nguyên V (Sinh năm: 1992, trú tại: xã L, huyện V, Nam Định) đến phòng 12A13 CT4 Khu đô thị E, xã T, huyện T, Hà Nội để thuê phòng của L. L và anh V thống nhất: L cho anh V thuê 01 phòng trong căn hộ của L với giá 1.500.000 đồng/1 tháng; đặt cọc 1.500.000 đồng. Sau đó, L còn hỏi vay anh V số tiền 1.100.000 đồng. Anh V đã đưa cho L tổng số tiền 4.100.000 đồng. Đến ngày 22/05/2018, anh V nói không thuê phòng nữa và xin lại số tiền 4.100.000 đồng. Thấy anh V có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen BKS: 18C1-180.17, L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy này. L mượn xe máy của anh V nói dối là đi có việc, anh V đồng ý. L đã mang chiếc xe máy này đến địa chỉ số 16/12/624, phố M, phường V, quận H, Hà Nội cầm cố cho đối tượng H (chưa xác định được lai lịch) được 7.000.000 đồng. Đến sáng ngày 23/05/2018, L về phòng gặp anh V nói dối với anh V là xe bị công an bắt và có đưa cho anh V 400.000 đồng; còn 3.700.000 đồng L hẹn sẽ trả hết trong ngày nhưng sau đó L đã ăn tiêu hết số tiền này.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 108 ngày 13/06/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX có giá trị: 15.725.000 đồng.

**** Tại cơ quan điều tra,*** Nguyễn Hải L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngoài các hành vi chiếm đoạt tài sản nên trên, Nguyễn Hải L còn có hành vi mượn chiếc điện thoại OPPO F1s và không trả tiền cước xe taxi của anh Nguyễn Văn D. Cụ thể: Ngày 02/5/2018, anh D chở taxi cho N (hiện chưa xác định được lai lịch cụ thể) thuê anh D chở đi một số địa điểm tại khu vực Hà Nội. Thấy N có mang theo ma túy đá nên anh D xin sử dụng cùng. N đồng ý và cùng anh D lên phòng của L ở. Tại đây, L, Trần Minh H (sinh năm 1997; địa chỉ: 77, phố N, phường V, quận H, Hà Nội), N và anh D cùng nhau sử dụng ma túy. Sau đó, anh D đưa N và L đi một số địa điểm. Đến ngày 03/5/2018, L hỏi mượn điện thoại OPPO F1s của anh D rồi đi lên phòng. Anh D chờ lâu nhưng không thấy L xuống nên đã lên phòng ở của L đòi điện thoại và 2.800.000đồng cước taxi. L đã ném chiếc điện thoại cùng 300.000 đồng qua cửa trả anh D nhưng anh D không nhận và bỏ về vì lý do L chưa trả đủ số tiền cước taxi. Ngày hôm sau, L vẫn thấy điện thoại và 300.000đồng ngoài cửa nên L nhặt lại chiếc điện thoại cùng số tiền trên mang đến cửa hàng cầm đồ ở 41, đường L, phường T, quận N, Hà Nội bán cho anh Hà Tiến D được 1.100.000đồng. Như vậy, hành vi của L không cấu thành tội phạm nên Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với L về hành vi Chiếm giữ trái phép tài sản của người khác và quyết định xử phạt hành chính đối với L, D và H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 05/5/2018, anh D đã giao nộp chiếc điện thoại và 01 màn hình đã bị dạn vỡ cho cơ quan điều tra và yêu cầu L bồi thường trả anh 1.500.000đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả chiếc điện thoại trên cho anh D.

Anh Lý Đức L khai: khi mua chiếc xe máy Honda Air Blade BKS: 29Y1-4579 của L, anh L không biết đây là tài sản do L phạm tội được mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của L cầm cố chiếc xe máy Honda AirBlade BKS: 29E1-607.78 của anh H cho đối tượng Thành sếch: Tại Cơ quan điều tra, anh H khai L hỏi mượn xe của anh mang đi cầm cố, sau đó mới nói cho anh H là đã cầm cố xe rồi; còn L lại khai: anh H bảo L mang xe đi cầm lấy 3.000.000đồng chơi game và L có đưa cho anh H 1.800.000 đồng. Ngoài lời khai của anh H và L không có tài liệu chứng cứ gì khác, đối tượng cầm cố chiếc xe là T sếch chưa xác định được lai lịch. Vì vậy, không đủ cơ sở kết luận L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe

máy Honda AirBlade BKS: 29E1-607.78 của anh H. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe máy này để tiếp tục điều tra và xem xét xử lý sau.

Đối với hành vi của đối tượng tên N (đòi 1.500.000đồng chuộc lại điện thoại của anh Ngô Quốc H và cầm điện thoại OPPO F3 của anh H), các đối tượng là bạn của N, T sếch (đối tượng nhận cầm cố chiếc xe Honda Airblade BKS 29E1 - 607.78 của anh H) và đối tượng tên H ở phường V (người cầm cố chiếc xe máy BKS 18C1 - 180.17 của anh Trần Nguyên V): quá trình điều tra chưa xác định lai lịch các đối tượng trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, làm rõ và xem xét xử lý sau.

Về dân sự:

- Chiếc xe máy Honda AirBlade BKS: 29Y1-4579, số khung 510472, số máy: 5010579, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Minh H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã trao trả chiếc xe trên cho anh H. Anh H đã nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu gì khác về dân sự.

- Chiếc điện thoại Iphone S7 Plus L chiếm đoạt của anh Nguyễn Minh H và đem cầm đồ tại thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội. Quá trình điều tra, Cơ quan công an đã dẫn giải L đến cửa hàng cầm đồ nhưng anh Đào Quang V (người quản lý cửa hàng) khẳng định không nhận cầm đồ bất kỳ tài sản nào của L nên chiếc điện thoại hiện nay chưa thu hồi trả lại anh H. Anh H không yêu cầu L phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại này.

- Anh Hà Tiến D yêu cầu L bồi thường cho anh số tiền 1.500.000 đồng gồm 1.100.000đồng anh D trả cho L khi mua chiếc điện thoại OPPO F1s và 400.000 đồng tiền anh D thay màn hình.

- Anh Ngô Quốc H yêu cầu L bồi thường cho anh số tiền 4.200.000 đồng trị giá chiếc điện thoại OPPO F3 bị L chiếm đoạt không thu hồi được.

- Anh Lý Đức L yêu cầu L bồi thường tổng số tiền 9.500.000 đồng, trong đó: 7.000.000 đồng mà anh L đã trả cho L khi mua chiếc xe máy Honda AirBlade BKS: 29Y1-4579 và số tiền 2.500.000 đồng L vay anh L.

- Anh Lê Văn L bị L chiếm đoạt chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 và đem cầm đồ tại 84, phố L, quận N, Hà Nội. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại địa chỉ L đã cầm chiếc điện thoại nhưng người quản lý cửa hàng mới đến thuê từ tháng 9 năm 2018, không biết thông tin của người thuê trước đó nên không thu hồi được chiếc điện thoại của anh L. Anh L yêu cầu L phải bồi thường tổng số tiền 7.000.000 đồng gồm tiền giá trị chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7, số tiền L đã vay và cước đi xe taxi của anh L chưa trả.

- Anh Trần Nguyên V bị L chiếm đoạt xe máy Honda Wave RSX BKS: 18C1-180.17 rồi đem cầm cho đối tượng tên H tại phố M, phường V, quận H, Hà Nội. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa chỉ 16/12/624, phố M, quận H nhưng không xác định được lai lịch của đối tượng H nên không thu hồi được tài sản trả lại cho anh V. Anh V yêu cầu L phải bồi thường cho anh V tổng số tiền 19.400.000 đồng gồm tiền trị giá chiếc xe máy Honda Wave RSX BKS: 18C1-180.17 L đã chiếm đoạt và số tiền 3.700.000 đồng L đã nhận của anh V khi cho thuê phòng.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Kim A (Sinh năm: 1974, trú tại: phố T, quận C, Hà Nội) là mẹ đẻ của L đã tự nguyện bồi thường đầy đủ số tiền theo yêu cầu của anh Duy, anh H, anh L, anh L và anh V. Những người bị hại đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì khác về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho L. Bà Nguyễn Kim A không yêu cầu L phải trả lại cho bà số tiền bà đã thay L bồi thường cho những người bị hại.

Bản cáo trạng số 190/CT - VKSTT ngày 09/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Hải L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà:

***** Bị cáo Nguyễn Hải L thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 1 điều 174; điểm s, điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Bị cáo Nguyễn Hải L từ
tháng tù.

- Không áp dụng hình phat bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo;

- Phần dân sự không xem xét do người bị hại không yêu cầu bồi thường hoặc đã được bồi thường đầy đủ theo yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018, Nguyễn Hải L đã có hành vi gian dối (giả vờ mượn) để chiếm đoạt 01 xe máy Airblade, BKS 29Y1 - 4579 trị giá 4.537.000đồng và 01 điện thoại di động Iphone 7Plus trị giá 13.000.000đồng của anh Nguyễn Minh H; 01 điện thoại di động Samsung S7 của anh Lê Văn L trị giá 3.900.000đồng; 01 điện thoại di động OPPO F3 của anh Ngô Quốc Hoàn trị giá 4.200.000đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 18C1 - 180.17 của anh Trần Nguyên V trị giá 15.725.000đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 41.362.000đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần thiết phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác (mỗi tài sản bị cáo chiếm đoạt đều có giá trị trên 2.000.000đồng) - là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động đến gia đình để gia đình thay bị cáo bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của những người bị hại và những người bị hại xin giảm nhẹ một

phần hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về nhân thân bị cáo: chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự : *«Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng »*. Xét bị cáo nghề nghiệp không ổn định, sống nhờ vào sự trợ cấp của gia đình, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về dân sự:

- Chiếc xe máy Honda AirBlade BKS: 29Y1-4579, số khung 510472, số máy: 5010579, quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Minh H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã trao trả chiếc xe trên cho anh H. Anh H đã nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chiếc điện thoại Iphone S7 Plus của anh Nguyễn Minh H, không thu hồi được, anh H không yêu cầu L phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại này. Xét đây là sự tự nguyện của anh H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Hà Tiến D yêu cầu L bồi thường 1.500.000đồng (gồm 1.100.000 đồng mà anh Duy trả cho L khi mua chiếc điện thoại OPPO F1s và 400.000 đồng tiền anh Duy thay màn hình chiếc điện thoại này); Anh Ngô Quốc H yêu cầu L bồi thường cho anh số tiền 4.200.000 đồng trị giá chiếc điện thoại OPPO F3 bị L chiếm đoạt không thu hồi được; Anh Lý Đức L yêu cầu L bồi thường tổng số tiền 9.500.000 đồng, trong đó: 7.000.000 đồng mà anh L đã trả cho L khi mua chiếc xe máy Honda AirBlade BKS: 29Y1-4579 và số tiền 2.500.000 đồng L vay anh L; Anh Lê Văn L yêu cầu L phải bồi thường tổng số tiền 7.000.000 đồng gồm tiền giá trị chiếc điện thoại Samsung Galaxy S7 và số tiền L đã vay và cước đi xe taxi của anh L chưa trả; Anh Trần Nguyên V yêu cầu L phải bồi thường cho anh V tổng số tiền 19.400.000 đồng gồm tiền trị giá chiếc xe máy Honda Wave RSX BKS: 18C1-180.17 L đã chiếm đoạt và số tiền 3.700.000 đồng L đã nhận của anh V khi cho thuê phòng. Bà Nguyễn Kim A là mẹ đẻ của L đã tự nguyện bồi thường đầy đủ số tiền theo yêu cầu của anh Duy, anh H, anh L, anh L và anh V. Những người bị hại đã nhận đủ tiền, không có yêu cầu gì khác về dân sự; bà Kim Anh không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bà đã bồi thường thay bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Lý Đức L mua chiếc xe máy Honda Air Blade BKS: 29Y1-4579 của L, anh Hà Tiến D mua chiếc điện thoại OPPO F1S của L, đều không biết đây là tài sản

do L phạm tội được mà có, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi của L cầm cố chiếc xe máy Honda AirBlade BKS: 29E1-607.78 của anh H: Quá trình điều tra không đủ cơ sở kết luận L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy Honda AirBlade BKS: 29E1-607.78 của anh H. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến hành vi và chiếc xe máy này để tiếp tục điều tra và xem xét xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với hành vi của đối tượng tên N, các đối tượng là bạn của N, T sếch và đối tượng tên H ở phường V, quá trình điều tra chưa xác định lai lịch các đối tượng trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T ra Quyết định tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, làm rõ và xem xét xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của người khác của L, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của L, Trần Minh H và Nguyễn Văn D, Công an huyện T đã ra quyết định xử lý hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 134, 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hải L phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hải L ***16 (mười sáu)*** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/8/2018.

3. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo **:** Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại (anh Nguyễn Minh H, anh Lê Văn L, anh Ngô Quốc H, anh Trần Nguyên V) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Lý Đức L, anh Hà Tiến D) có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP Hà Nội;*
- *Công an huyện T, TP Hà Nội;*
- *Cơ sở giam giữ;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H. T, Hà Nội;*
- *Bị cáo.*